



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 11 – HKII

I. ĐỌC –HIỂU VĂN BẢN

HS cần nắm được kĩ năng sau

- Nắm được nội dung cơ bản trong văn bản
- Nghệ thuật trong văn bản, tác dụng của nó?
- Học sinh vận dụng liên hệ với lĩnh vực trong đời sống có tính giáo dục.
- Học sinh nắm ý nghĩa văn bản và nghệ thuật các bài đã học và đọc thêm.
- Các bài vận dụng trong phần đọc –hiểu

1. Tiếng việt

a. Phân biệt ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân

- + Ngôn ngữ chung :
 - Bao gồm những yếu tố chung cho mọi thành viên trong xã hội như: âm, tiếng, từ...
 - Có qui tắc ngữ pháp chung mà mọi thành viên phải tuân thủ như: tổ chức câu, trật tự từ, dấu câu...
 - Là sản phẩm chung của xã hội, được dùng làm phương tiện giao tiếp xã hội.
- + Lời nói cá nhân
 - Sự vận dụng các yếu tố chung để tạo thành các lời nói cụ thể.
 - Vận dụng linh hoạt các qui tắc ngữ pháp.
 - Mang dấu ấn cá nhân về nhiều phương diện như : Trình độ, hoàn cảnh sống, sở thích cá nhân.

b. Các thành phần nghĩa của câu

- + Nghĩa sự việc
 - Ứng với sự việc mà câu đề cập
 - Sự việc có thể là hành động, trạng thái, quá trình, tư thế, sự tồn tại, quan hệ...
 - Do các thành phần chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ, thành phần phụ khác của câu biểu hiện.



+ Nghĩa tình thái

- Thể hiện sự nhìn nhận, đánh giá, thái độ của người nói đối với sự việc.

- Thể hiện thái độ, tình cảm của người nói đối với người nghe.

- Có thể biểu hiện riêng nhờ các từ ngữ tình thái

c. Đặc điểm loại hình tiếng việt

- Đơn vị ngữ pháp cơ sở là tiếng.

+ Mỗi tiếng về ngữ âm là một âm tiết, còn về mặt sử dụng thì có thể là một từ hoặc một yếu tố cấu tạo từ.

- Về mặt ngữ âm, *tiếng* là đơn vị phát âm tự nhiên nhỏ nhất, rất dễ nhận biết trong ngữ lưu, trong khi đọc chúng được ngăn cách bởi những khoảng cách ngắt hơi ngắn, trên văn bản chúng có một khoảng cách nhất định.
- Về mặt nghĩa ngữ, *tiếng* là một yếu tố cấu tạo từ (hình tiết, hình vị), tức là một đơn vị ý nghĩa nhỏ nhất (trùng với hình vị).
- Về mặt sử dụng, *tiếng* có thể là một từ đơn (từ đơn được cấu tạo theo phương thức từ hóa hình vị: tác động vào một hình vị để hình vị mang đầy đủ những đặc điểm về ý nghĩa và ngữ pháp của một từ mà không cần thêm bớt gì vào hình thức ngữ âm của nó)

+ Ví dụ minh họa: *Nhà/máy/cửa/chúng/tôi/đã/hoàn/thành/kế/hoạch/trước/hai/tháng.*

- Câu trên có 15 tiếng
- Từ *nhà máy* do hai tiếng *nhà* và *máy* tạo nên. Từ *chúng tôi* do hai tiếng *chúng* và *tôi* tạo nên. Từ *hoàn thành* do hai tiếng *hoàn* và *thành* tạo nên. Từ *kế hoạch* do hai tiếng *kế* và *hoạch* tạo nên.

- Từ không biến đổi hình thái:

+ Trong bất cứ tình huống nào, ngữ cảnh nào và đảm nhiệm bất cứ chức vụ ngữ pháp gì thì cũng bất biến về hình thái.'

+ Ví dụ minh họa:

- *Trăng đã lên* (Ba tiếng, ba âm tiết, ba từ đơn)
- *Nó đánh tôi, nhưng tôi không đánh nó.*

- Ý nghĩa ngữ pháp được biểu hiện nhờ trật tự từ và hư từ:



+ Do từ không biến đổi về hình thái, nên vai trò của trật tự từ và hư từ là đặc biệt quan trọng. Nhiều trường hợp chỉ cần thay đổi trật tự từ hoặc bỏ quan hệ từ là ý nghĩa của câu đã thay đổi.

- Ví dụ minh họa :

- Gà mẹ lang thang trong vườn/Gà *của* mẹ lang thang trong vườn.
- Nam đi tìm Bắc và gặp Đông/ Nam gặp Đông và đi tìm Bắc.

d. Đặc trưng cơ bản của phong ngôn ngữ báo chí

- Khái niệm
- Các đặc trưng:
 - + Tính thông tin thời sự;
 - + Tính ngắn gọn;
 - + Tính hấp dẫn, lôi cuốn

e. Phong cách ngôn ngữ chính luận

- Khái niệm
- Các đặc trưng:
 - + Tính công khai về quan điểm chính trị;
 - + Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận;
 - + Tính truyền cảm thuyết phục

2. Làm văn

a. Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận

- Để lập dàn ý của một bài văn nghị luận cần tuân thủ các bước sau: Triển khai nội dung trọng tâm

- > Xác định các ý lớn, ý nhỏ hợp lý
- => Sắp xếp các ý theo một trình tự nhất định.

b. Thao tác lập luận phân tích:

- Phân tích thường gắn liền với thao tác tổng hợp, khái quát

c. Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận phân tích và so sánh

- Tác dụng và yêu cầu của việc kết hợp các thao tác phân tích và so sánh



3. Bài đọc thêm

- Bài 1: Lai tân(*Hồ Chí Minh*), Chữ Hán, thất ngôn tứ tuyệt
- Bài 2: Nhớ đồng(*Tố Hữu*), Quốc ngữ, thất ngôn trường thiên
- Bài 3: Tương tư(*Nguyễn Bính*) Quốc ngữ, thơ mới
- Bài 4: Chiều xuân(*Anh Thơ*) Quốc ngữ, thơ mới
- Bài 5: Về luân lí xã hội ở nước ta(*Phan Châu Trinh*), Quốc ngữ, nghị luận xã hội.
- Bài 6: Một thời đại trong thi ca(*Hoài Thanh*), Quốc ngữ, nghị luận văn học
- Bài 7: Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức (*Nguyễn An Ninh*).

II. TẬP LÀM VĂN:

A. Nghị luận xã hội:

a. Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

- Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, ước mơ, lẽ sống lớn, niềm tin yêu cuộc sống, tự tin, lạc quan, nghị lực, ý chí, khát vọng ...)
- Về tâm hồn, tính cách (yêu nước, nhân ái, vị tha, nhân hậu, bao dung, độ lượng; bản lĩnh, trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn; giản dị, thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...)
- Về mối quan hệ gia đình: Tình mẫu tử, phụ tử, tình anh em
- Về mối quan hệ xã hội: Tình thầy trò, bạn bè, tình làng nghĩa xóm, đồng nghiệp, tình đồng loại, quan hệ trên dưới, quan hệ thân-quen...
- Về cách giao tiếp, ứng xử, hành động, ăn nói..... của mỗi người trong cuộc sống: sự đồng cảm, sẻ chia, sống đẹp.....

* Các thao tác cơ bản thường sử dụng: Giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận.

b. Nghị luận về một hiện tượng đời sống:

- Hiện tượng tốt :

- + Hiến máu nhân đạo, ủng hộ nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam, ủng hộ đồng bào lũ lụt...
- + Phong trào mùa hè xanh, Quỹ thắp sáng ước mơ...
- + Mái ấm tình thương, ngôi nhà tình nghĩa, ngôi nhà mơ ước....

**- Hiện tượng xấu:**

- + Ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông...
- + Bệnh thành tích; sự vô cảm....
- + Bệnh quay cóp trong thi cử...
- + Tình trạng bạo lực học đường, nghiện game...

Thường bắt đầu nêu lên một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự được nhiều người quan tâm.

VD: Suy nghĩ của anh (chị) khi nghe tin những cánh rừng vẫn tiếp tục bị cháy. Anh (chị) sẽ nói những gì với người bạn thân đã trót nghiện thuốc lá ?

c. Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học: Thường là từ một tác phẩm để rút ra ý nghĩa XH nào đấy.

d. Ví dụ:

Câu 1: Từ ý kiến dưới đây, anh chị suy nghĩ gì về việc: “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”?

“Cái mạnh của con người Việt Nam là sự thông minh và nhạy bén với cái mới....Nhưng bên cạnh cái mạnh đó vẫn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề...”

(Theo Vũ Khoan, *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới*)

Câu 2: Các-Mác từng nhận định “Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”. Hãy nêu cách giữ gìn tình bạn

Câu 3: Hãy trình bày quan điểm của mình trước cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”.

Câu 4: Các Mác nói: “mọi tiết kiệm, suy cho cùng là tiết kiệm thời gian”. Anh (chị) hãy giải thích và làm sáng tỏ câu nói trên.

B. LÀM VĂN**Bài 1: Vội vàng**(Xuân Diệu)**I. Tác giả, tác phẩm:**

1. Tác giả: Xuân Diệu là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn, có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và



sự nghiệp văn học phong phú

2. Tác phẩm:

a. **Xuất xứ:** rút từ tập : Thơ thơ(1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ « mới nhất trong các nhà thơ mới »

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

* Khát vọng của Xuân Diệu.

Tôi muốn:

- Tắt nắng -> Cho màu đừng nhạt
- Buộc gió -> Cho hương đừng bay đi

Điệp từ, động từ mạnh “tắt, buộc” -> Thể hiện một ý muốn quá táo bạo, muốn đoạt quyền của tạo hóa, muốn ngăn thời gian, chặn sự già nua, tàn tạ để giữ mãi hương sắc, giữ cái đẹp của trần thế.

=> Ý tưởng có vẻ “ngông cuồng” xuất phát từ một trái tim yêu cuộc sống tha thiết, say mê.

* Tâm trạng vui tươi trước cảnh sắc thiên nhiên:

- Điệp từ “Này đây” liên tục, dồn dập -> Thể hiện tiếng reo vui của tác giả trước sự bất tận của thiên nhiên khi mùa xuân tới.

“Nào là: Ong bướm – tuần tháng mật

Hoa – đồng nội xanh rì

Lá – cành tơ phấp phới

Yến anh – khúc tình si

Anh sáng – chớp hàng mi”

- Nhịp thơ nhanh gấp gáp, từ ngữ giàu hình ảnh -> Tất cả đang ở thời kì xung mãn nhất, sức sống căng đầy nhất. Mùa xuân tươi đẹp tràn đầy hương sắc.

“Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”

- Cách so sánh độc đáo, táo bạo, bất ngờ đầy sức khơi gợi. Gợi cho ta thấy nét đẹp mơn mơn tơ non, đầy sức sống và vô cùng quyến rũ không thể nào cưỡng lại được của cuộc sống, của mùa xuân.

=> Trong đôi mắt Xuân Diệu, cuộc sống xung quanh đầy sức sống, thiên nhiên đầy xuân



sắc, xuân tình. Nhà thơ khao khát đón nhận tất cả.

2. Nỗi băn khoăn trước thời gian và cuộc đời.

"Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân"

- Nhà thơ bỗng hoài xuân, tiếc xuân khi mùa xuân chỉ mới vừa bắt đầu.

- Nhà thơ cảm nhận rất rõ bước đi của thời gian trong hơi thở của đất trời, bởi những gì đẹp nhất của mùa xuân, của tuổi trẻ, của tình yêu rồi sẽ ra đi không trở lại-> gọi sự băng khuâng tiếc nuối khi nhận ra giới hạn của cuộc đời.

"Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non – xuân sẽ già

Xuân hết – tôi cũng mất"

- Kết cấu lặp, điệp từ "nghĩa là" vừa giải thích, vừa bộc lộ sự lo lắng, hốt hoảng trước sự trôi chảy của thời gian.

Bởi thiên nhiên đối kháng với con người

"Lòng tôi rộng – lượng trời cứ chật

Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hia lần

Còn trời đất – chẳng còn tôi mãi"

Hình ảnh đối lập, giọng thở than u buồn

=> Nhà thơ cảm nhận được cái vô hạn của thời gian, của thiên nhiên đất trời với cái hữu hạn *ngắn ngủi của đời người nên xót xa nuối tiếc.*

"Mùi năm tháng đều... than thầm tiễn biệt

Cơn gió xinh thì thào ... phai tàn, sắp sửa"

Sự nuối tiếc thấm sâu vào cảnh vật, tâm hồn vì tất cả rồi sẽ tàn phai, chia li và biến mất- một cuộc ra đi vĩnh viễn.

"Chẳng bao giờ ôi chẳng bao giờ nữa"

- Điệp ngữ, tiếng thở dài luyện tiếc tuyệt vọng

3. Khát vọng sống, khát vọng cuồng nhiệt hồi hã.

- *Mau đi thôi! ...* -> Lời giục giã vội vàng: hãy sống, hãy chiêm ngưỡng, hưởng thụ.

- *Ta muốn ...* -> Khát vọng thật táo bạo, mãnh liệt.



- Các động từ mạnh: *Ôm, riết, say, thấu, cắn ...*

=> Tình cảm thật mãnh liệt biến thành hành động cụ thể – thể hiện tình yêu cuồng nhiệt, đắm say; một tấm lòng ham sống, khát sống. Chính tình yêu đó đem lại một luồng sinh khí cho vạn vật, đất trời.

- Điệp từ “Cho” (Cho chuẩn choáng ... cho đã đầy... cho no nê ...)

-> Cảm xúc càng lúc càng cuồng nhiệt, tham lam, vồ vập hơn – hưởng thụ thỏa thuê hương sắc của cuộc sống.

- “*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*”

-> Thể hiện sự dâng trào đỉnh cao của cảm xúc – Mùa xuân được nhân hóa như một thực thể, nhân vật trữ tình muốn chiếm lĩnh, tận hưởng bằng tất cả năng lực

=> Lòng ham say, vồ vập, một khát vọng cồn cào muốn chiếm đoạt tất cả hương vị của cuộc đời.

→ Sống vội vàng, cuống quýt không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Đó là quan niệm sống mới mẻ, tích cực chưa từng thấy trong thơ ca truyền thống.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí
- Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ
- Sử dụng ngôn từ, nhịp điệu dồn dập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt...

2. **Ý nghĩa**: quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời

Bài 2: Yêu cầu HS đọc thuộc lòng bài Tràng giang (Huy Cận)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. **Tác giả**: Huy Cận là nhà thơ lớn, một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào thơ mới với hồn thơ ảo não

- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng triết lí

2. **Tác phẩm**:

- Xuất xứ: Rút từ tập Lửa thiêng(1939)



- Nhan đề : So sánh tên gọi Tràng giang với Trường giang

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

- Lời đề từ: Cảm hứng chủ đạo được tác giả nói rõ: “*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*” (Huy Cận)

=> Toàn bộ cảm xúc chi phối cảm hứng sáng tác của tác giả

→ Chìa khoá để hiểu bài thơ.

1. Khổ thơ 1:

Mở đầu bài thơ bằng cảnh sông nước mênh mông bất tận: “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp”.

- Điệp vần “Ang” gợi lên sự mênh mông bất tận.

-Buồn “Điệp điệp” từ láy -> Gợi nỗi buồn miên man trải dài vô tận, không dứt.

-> Câu thơ không chỉ nói sông, nước mà nói một nỗi buồn bất tận.

“Con thuyền xuôi mái nước song song”

- Con thuyền là hình ảnh tượng trưng cho cuộc đời lênh đênh, trôi nổi, vô định. Thuyền và nước chỉ song song với nhau mà không gắn bó với nhau. Thuyền đi với dòng để rồi chia li với dòng.

- Hình ảnh gợi sự chia lìa, rồi lại “Củi một cành khô lạc mấy dòng”

-> Hình ảnh nhỏ bé mong manh, trôi nổi trên dòng sông, gợi liên tưởng đến kiếp người trôi nổi trên dòng đời vô định.

=> Khổ thơ vẽ lên một không gian bao la, vô định, rời rạc, hờ hững với một con thuyền, một nhánh củi lênh đênh gợi cảm giác buồn mênh mông, mang tâm trạng thời đại.

2. Khổ thơ 2:

Bổ sung vào bức tranh sông nước các hình ảnh bé bỏng trong trạng thái tàn rụi “*Lơ thơ cồn nhỏ, gió đìu hiu, làng xa vắng chợ chiều*” – xuất hiện âm thanh cuộc sống nhưng không làm cho cảnh vật bớt vắng vẻ mà càng làm cho bức tranh thiên nhiên càng mênh mang, hiu quạnh hơn (âm hưởng của các từ láy *lơ thơ, đìu hiu*)– gợi một không gian tâm tưởng:

“Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu ...”

Câu thơ có giá trị tạo hình đặc sắc : mở ra một không gian đa chiều : ta như thấy sông thêm



dài, trời thêm cao và rộng hơn, bến sông ấy như thêm cô liêu, con người càng thêm cô đơn, bé nhỏ, rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.

3. Khổ thơ 3:

- Hình ảnh “Bèo dạt về đâu hàng nối hàng” -> Càng khắc sâu nỗi buồn về sự vô định, phó mặc, bất lực trước cuộc đời. Đây cũng là tâm trạng chung của các nhà thơ mới trong những năm ngột ngạt dưới thời thuộc Pháp.

- Điệp từ “Không” (Không cầu, không chuyển đồ): Gợi sự thiếu vắng, trống trải, không có tín hiệu của sự giao hòa, thân mật – Dường như Huy Cận muốn phủ nhận tất cả những gì thuộc về con người - khắc sâu ấn tượng về sự chia lìa, tan tác.

“Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” -> Thiên nhiên đẹp nhưng thiếu vắng hình dáng con người.
=> Nỗi buồn ở bài thơ này không chỉ là nỗi buồn mệnh mang trước trời rộng sông dài mà còn là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời.

4. Khổ thơ 4:

Nhà thơ mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường mà vẫn giữ được nét riêng biệt của thơ mới và hồn thơ Huy Cận.

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”: Tạo ấn tượng về sự hùng vĩ của thiên nhiên.

“Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa” – thời gian đã biến chuyển, hoàng hôn buông xuống và cánh chim đơn lẻ trong buổi chiều tà dễ gợi nỗi buồn xa vắng – nỗi buồn nhớ quê hương:

“Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”

So sánh với hai câu thơ của Thôi Hiệu:

“Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu”

Ta thấy với Huy Cận không cần có khói sóng trên sông vẫn nhớ quê nhà da diết -> Tình cảm quê hương sâu nặng, thường trực, cháy bỏng.

=> Đứng trước cảnh sông nước bao la, những đợt sóng xa bờ tí tắp, thi nhân như đang soi mình xuống dòng sông, thấm thía một nỗi buồn bơ vơ, lặng lẽ thả hồn mình về với quê hương.

=> Nét cổ điển mà hiện đại trong thơ Huy Cận. Nỗi nhớ da diết của một cái tôi lãng mạn. Đó chính là lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận trước cảnh ngộ đất nước mất chủ quyền.



III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại (Sự xuất hiện của cái tưởng như tầm thường, vô nghĩa và cảm xúc buồn mang dấu ấn cái tôi cá nhân...)
- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm (Lơ thơ, đìu hiu, chót vót..)

2. Ý nghĩa:

Vẽ đẹp của bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với cuộc đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả

Bài 3: Yêu cầu HS đọc thuộc lòng bài “Đầy thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả: Hàn Mặc Tử là người có số phận bất hạnh. Ông là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới “Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên)

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác. Viết năm 1938 in trong tập “Thơ Điên”, được khơi nguồn cảm hứng từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ:

1. Khổ thơ 1. Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.

- Câu thơ 1:

+ Hình thức: câu hỏi.

+ Nội dung: lời mời, lời trách móc. Chủ thể trữ tình tự phân thân, tự giải bày tâm trạng: nuôi tiếc, nhớ mong.

- Bức tranh thôn Vĩ được khắc hoạ tươi đẹp, sống động. Hình ảnh: *Nắng hàng cau - Nắng mới*.

→ Nắng ban mai buổi hừng đông tinh khiết trong lành chiếu lên những hàng cau còn ớt ẩm sương đêm. Nắng có linh hồn riêng. Nắng mang hồn xứ Huế.

- Sự lặp lại 2 lần từ “Nắng” khiến câu thơ tràn ngập ánh sáng. Thiên nhiên sống động rạng ngời, gợi cảm giác khoẻ khoắn, ấm áp.



- Đại từ phiếm chỉ “Ai” gợi cái ám ảnh thương nhớ.
- “*Xanh như ngọc*”: Biện pháp so sánh gợi lên màu sắc tươi sáng của vườn cây.
- “*Mặt chữ điền*”: Khuôn mặt hiền lành phúc hậu. Vẻ đẹp: Cảnh và người xứ Huế.

Bức tranh thiên nhiên đẹp, thơ mộng, tràn đầy sức sống, đầy ắp ánh sáng, có màu sắc, có đường nét. Hình ảnh con người: dịu dàng e ấp. Tiếng nói băng khuâng rạo rực của một tâm hồn yêu đời, khát sống, hướng về cái trong trẻo, thánh thiện.

2. Khổ thơ 2. Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa

- *Gió, mây, sông nước, hoa* được nhân cách hoá để nói tâm trạng.
- Cái ngược đường của *gió, mây* gợi sự chia ly đôi ngả -> Nỗi đau thân phận xa cách, chia lìa.
→ Không gian trống vắng, thời gian như ngừng lại, cảnh vật hờ hững với con người.
- Hình ảnh thơ không xác định: “*Thuyền ai*”, “*sông trăng*” → Cảm giác huyền ảo. Cảnh đẹp như trong cõi mộng.
- Câu hỏi tu từ ẩn chứa một nỗi mong chờ tha thiết, đồng thời cũng chứa đầy nỗi phấp phỏng hoài nghi. Không gian mệnh mệnh có đủ cả *gió, mây, sông, nước, trăng, hoa* cảnh đẹp nhưng buồn vô hạn.

3. Khổ thơ 3: Nỗi niềm thôn Vĩ

- Chủ thể: Đầy khát vọng trong tiếng gọi
- Khách thể: Hư ảo, nhạt nhòa, xa xôi. Câu thơ hàm chứa nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và thiết tha với cuộc đời – tìm vào thế giới hư ảo như một cứu cánh nhưng hụt hẫng, xót xa..
- Điệp từ, điệp ngữ,
- Nhạc điệu sâu lắng và buồn mệnh mang
- Câu hỏi lửng lơ nửa ghen ngào, nửa trách móc, Chân dung nội tâm của tác giả: Khao khát yêu thương, đồng cảm. Đại từ phiếm chỉ : *ai / tình ai*? Câu thơ cuối dường như chính là câu trả lời cho câu thơ thứ nhất.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Trí tưởng tượng phong phú
- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ.



- Hình ảnh sáng tạo có sự hòa quyện giữa thực và ảo

2. Ý nghĩa:

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ

Bài 4: Từ ấy (Tố Hữu)

Tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả :

- Tố Hữu được đánh giá là : lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.
- Thơ trữ tình – chính trị : thể hiện lẽ sống , lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ : thuộc phần Máu lửa của tập Từ ấy(71 bài), sáng tác tháng 7 năm 1938, đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Khổ 1. Niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng, cách mạng.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

- Hình ảnh ẩn dụ : *nắng hạ, mặt trời chân lí, chói qua tim*. Khẳng định lí tưởng cộng sản như một nguồn sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ.

- Hình ảnh ẩn dụ và so sánh : *Hồn tôi- vườn hoa lá - đậm hương – rộn tiếng chim*.

→ Diễn tả niềm vui sướng, say mê nồng nhiệt của nhà thơ khi bắt gặp lí tưởng mới.

2. Khổ 2. Nhận thức mới về lẽ sống.

“Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với muôn nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.”

- Sự gắn bó hài hoà giữa *cái tôi* cá nhân với *cái ta* chung của xã hội - đặc biệt là với những



người lao động nghèo khổ.

+ Buộc: Ý thức tự nguyện, quyết tâm cao độ.

+ Trang trải: Tâm hồn trải rộng với cuộc đời, tạo sự đồng cảm sâu sắc.

+ Trăm nơi: Hoán dụ – chỉ mọi người sống ở khắp nơi.

+ Khối đời: Ẩn dụ – Khối người đông đảo cùng chung cảnh ngộ, đoàn kết chặt chẽ, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung. Nhà thơ đã đặt mình giữa dòng đời và môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ và ở đó Tố Hữu đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm mến yêu của trái tim nhân ái.

3. Khổ 3. Sự chuyển biến trong tình cảm.

“Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo com, cù bắt cù bơ...

- Điệp từ: là, của, vạn...

- Đại từ nhân xưng: Con, em, anh”

- Số từ ước lệ: vạn. Nhấn mạnh và khẳng định một tình cảm gia đình đầm ấm, thân thiết, gắn bó ruột thịt. Sự cảm nhận sâu sắc mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ. Sự biểu hiện xúc động, chân thành khi nói tới những kiếp người bất hạnh, dãi dầu sương gió.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Hình ảnh tươi sáng giàu ý nghĩa tượng trưng ; ngôn ngữ giàu nhạc điệu ; giọng thơ sáng khoái, nhịp điệu thơ hăm hở,...

2. Ý nghĩa văn bản:

Niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản

Bài 5:

“Chiều tối (Mộ) trích “Nhật kí trong tù” của Hồ Chí Minh

I. Giới thiệu Nhật kí trong tù.

1. Hoàn cảnh ra đời :

- Là tập nhật kí viết bằng thơ, được Bác sáng tác trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới



Thạch bắt giam từ tháng 8/1942 – 9/1943 tại tỉnh Quảng Tây.

- Tập thơ gồm 134 bài bằng chữ Hán (chủ yếu là thơ thất ngôn tứ tuyệt)

2. Gía trị cơ bản :

- Bức tranh nhà tù và một phần xã hội Trung hoa dân quốc

- Bức chân dung tự họa của con người Hồ Chí Minh: Bậc đại nhân, đại trí, đại dũng

3. Vị trí bài thơ

Bài thứ 31 của tập nhật kí trong tù, sáng tác cuối mùa thu 1942, trên đường đi đày từ Tỉnh Tây đến Thiên Bảo

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng. (Tính cổ điển)

“Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,

Cô vân mạn mạn độ thiên không “

- Cảnh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ và chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không. Đây cũng là cảnh thực trong cảm nhận của tù nhân – thi sĩ (*chuyển động của cánh chim, chòm mây lẽ về trạng thái yên nghỉ*>< *tù nhân nơi đất khách quê người trong cảnh chiều tà mong mỏi chốn bình yên : quê hương, gia đình...*)

→ Hai câu đầu thể hiện vẽ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung tự tại của Bác.

2. Bức tranh cuộc sống sinh hoạt của con người. [Tính hiện đại]

“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

- Vẻ đẹp khỏe khoắn của người thiếu nữ xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đã đem đến cho người tù hơi ấm, niềm vui (*Thiếu nữ dịch cô em chưa sát*)

Sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ Hồ Chí Minh : chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng (*chữ hồng là nhãn tự, làm sáng bừng cả bài thơ, làm ấm áp bức tranh và ấm áp lòng người*). (*nguyên tác không có chữ tối, bản dịch có phá vỡ nét đẹp của câu thơ*)

→ Con người là trung tâm của bức tranh. Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ : từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang



vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người.

III. **Tổng kết**

1. **Nghệ thuật:** Từ ngữ cô đọng, hàm súc; Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn.

2. **Ý nghĩa:** Vẽ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ – chiến sĩ Hồ Chí Minh; yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống, kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống

www.hoc247.net



Website **Hoc247.vn** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- Luyện thi ĐH, THPT QG với đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng.
- **H2 khóa nền tảng kiến thức** luyện thi 6 môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **H99 khóa kỹ năng làm bài và luyện đề** thi thử: Toán, Tiếng Anh, Tự Nhiên, Ngữ Văn+ Xã Hội.

II. Lớp Học Ảo VCLASS

Học Online như Học ở lớp Offline

- Mang lớp học **đến tận nhà**, phụ huynh không phải **đưa đón con** và có thể học cùng con.
- Lớp học qua mạng, **tương tác trực tiếp** với giáo viên, huấn luyện viên.
- Học phí **tiết kiệm**, lịch học **linh hoạt**, thoải mái lựa chọn.
- Mỗi **lớp chỉ từ 5 đến 10 HS** giúp tương tác dễ dàng, được hỗ trợ kịp thời và đảm bảo chất lượng học tập.

Các chương trình VCLASS:

- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học** và **Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.



Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.